

Cơ Sở Lý Luận Về Hệ Thống Kiểm Soát Nội Trong Ngân Hàng

1. Khái niệm về hệ thống kiểm soát nội bộ

Quá trình nhận thức và nghiên cứu về kiểm soát nội bộ đã hình thành nhiều quan điểm về kiểm soát nội bộ. Năm 1949, hiệp hội kế toán viên công chứng Hoa Kỳ (AICP) đưa ra định nghĩa đầu tiên về kiểm soát nội bộ trong công trình nghiên cứu mang nhan đề “KSNB, các nhân tố cấu thành và tầm quan trọng đối với quản trị doanh nghiệp và kiểm toán viên độc lập”, theo tổ chức này, kiểm soát nội bộ là kế hoạch của tổ chức và các biện pháp, cách thức liên quan được chấp nhận và thực hiện trong một tổ chức để bảo vệ tài sản an toàn, kiểm tra tính chính xác và độ tin cậy của số liệu kế toán, thúc đẩy hoạt động có hiệu quả, khuyến khích sự tuân thủ chính sách quản trị được thiết lập. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu quản lý, khái niệm về kiểm soát nội bộ được cải tiến và không ngừng được mở rộng ra khỏi thủ tục bảo vệ tài sản và ghi chép sổ sách kế toán. Năm 1992, COSO (Committee of Sponsoring Organization) - Ủy ban thuộc hội đồng quốc gia của Mỹ về việc chống gian lận trên BCTC đã đưa ra khái niệm kiểm soát nội bộ được chấp nhận rộng rãi : “KSNB là một quá trình bị chi phối bởi những người quản lý, hội đồng quản trị và các nhân viên của đơn vị, nó được thiết lập để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu sau đây:

Sự hiệu quả và hữu hiệu của hoạt động

Sự tin cậy của BCTC

Sự tuân thủ pháp luật và các quy định

** Định nghĩa về kiểm soát nội bộ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.*

Ở Việt Nam, chuẩn mực kiểm toán về đánh giá rủi ro và kiểm soát nội bộ (VSA 400 trước đây) đã đưa ra định nghĩa về “*hệ thống kiểm soát nội bộ*” như sau :” *Hệ thống kiểm soát nội bộ* được hiểu là các quy định và các thủ tục kiểm soát do đơn vị được kiểm toán xây dựng và áp dụng nhằm đảm bảo cho đơn vị tuân thủ pháp luật và các quy định, để kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa và phát hiện gian lận, sai sót; để lập BCTC trung thực và hợp lý; nhằm bảo vệ, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản của đơn vị”

** Kết luận*

Kiểm soát nội bộ doanh nghiệp không phải là một chức năng kiểm soát riêng biệt trong doanh nghiệp mà là các quá trình, quy định, phong cách, quan điểm kiểm soát của ban quản trị gắn với tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm ngăn ngừa, phát hiện và khắc phục kịp thời các sai phạm của nhà quản lý và nhân viên từ đó cung cấp một sự đảm bảo hợp lý trong việc đạt được các mục tiêu sau:

Sự hiệu quả và hữu hiệu của hoạt động

Sự tin cậy của báo cáo tài chính

Sự tuân thủ pháp luật và các quy định.

2. Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ

a) Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ.

**Mục tiêu kết quả hoạt động: Hiệu quả và hiệu năng hoạt động.*

- Sử dụng có hiệu quả các tài sản hiện có và các nguồn lực khác.
- Hạn chế rủi ro.
- Đảm bảo sự phối hợp, cùng làm việc của toàn bộ nhân viên trong Ngân hàng để đạt được mục tiêu của Ngân hàng với hiệu năng và sự nhất quán.

- Tránh được các chi phí không đáng có, việc đặt các lợi ích khác (của nhân viên, của khách hàng...) lên trên lợi ích của ngân hàng.

**Mục tiêu thông tin: Độ tin cậy, tính hoàn thiện và cập nhật của các thông tin tài chính và quản lý.*

- Các báo cáo cần thiết được lập đúng hạn và đáng tin cậy để ra quyết định trong nội bộ ngân hàng.

- Thông tin gửi đến Ban TGD, HĐQT, các cổ đông và các cơ quan giám sát phải có đủ chất lượng và tính nhất quán.

- BCTC và các báo cáo quản lý khác được trình bày một cách hợp lý và dựa trên các nguyên tắc kế toán đã được xác định rõ ràng.

**Mục tiêu tuân thủ: Sự tuân thủ luật pháp và quy định. Đảm bảo mọi hoạt động của ngân hàng đều tuân thủ:*

- Các luật và quy định.
- Các yêu cầu về giám sát.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

- Các chính sách và quy trình nghiệp vụ của ngân hàng.

**Mục tiêu bảo vệ tài sản và sổ sách: Sự bảo vệ tài sản và sổ sách phải được hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện một cách hữu hiệu và nghiêm túc.*

- Tài sản được bảo quản an toàn, không bị lạm dụng, không vượt thẩm quyền và sử dụng sai mục đích.

- Phân công công tác ghi sổ và bảo vệ tài sản độc lập (người ghi sổ khác người bảo vệ).

b) Mục tiêu tổng quát của kiểm soát nội bộ về kế toán.

Đối với kiểm soát nội bộ về kế toán, để có thể cung cấp thông tin và số liệu một cách chính xác, bảo vệ tài sản hữu hiệu và nhằm xây dựng BCTC trung thực, hợp lý, nhà quản lý khi xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ về kế toán đều mong muốn đạt được những mục tiêu tổng quát sau đây:

- Các nghiệp vụ kế toán xảy ra phải chính xác, đúng trình tự, có sự phê duyệt của quản lý nhằm tránh các trường hợp gian lận, khai khống để trục lợi của nhân viên, thực hiện trái với quy định của đơn vị.

- Các nghiệp vụ phải có chứng từ đầy đủ, hợp lý, hợp lệ, xác minh sự phát sinh nghiệp vụ và làm căn cứ ghi sổ tương ứng.

- Kiểm tra đầy đủ nhằm tránh bỏ sót hay ghi nhầm các nghiệp vụ vào sổ. Các nghiệp vụ phải được ghi sổ kịp thời vào ngày phát sinh hoặc sớm nhất có thể và phải được đánh giá đúng đắn để ghi sổ chính xác.

- Định kỳ, sổ tổng hợp và sổ chi tiết phải đối chiếu số liệu. Từ số liệu của sổ chi tiết và sổ tổng hợp khi lên sổ cái phải thận trọng, tránh sai sót và giảm thiểu gian lận nảy sinh.

3. Các bộ phận cấu thành của hệ thống kiểm soát nội bộ

3.1. Môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát là bao gồm toàn bộ nhân tố bên trong ngân hàng và bên ngoài ngân hàng có tính chất môi trường tác động đến việc thành lập, hoạt động và xử lý dữ liệu của các loại hình kiểm soát nội bộ của ngân hàng.

***Các nhân tố bên trong:** đây là các nhân tố thuộc môi trường kiểm soát chung của ngân hàng chủ yếu liên quan đến

- Cơ cấu tổ chức:

Cơ cấu tổ chức thực chất là sự phân chia trách nhiệm và quyền hạn giữa các bộ phận trong ngân hàng. Nói cách khác, cơ cấu phù hợp sẽ là cơ sở cho việc lập kế hoạch, điều hành, kiểm soát và giám sát các hoạt động xảy ra trong NHNN. Cơ cấu tổ chức của ngân hàng thường được mô tả qua sơ đồ tổ chức, trong đó phản ánh các mối quan hệ về quyền hạn, trách nhiệm và báo cáo.

- Năng lực của cán bộ ngân hàng.

Năng lực ở đây bao gồm kỹ năng và kinh nghiệm nghề nghiệp, trình độ học vấn, quan điểm thái độ, nhận thức cũng như hành động và đạo đức của nhà quản lý và cán bộ ngân hàng nói chung.

+ Năng lực của cán bộ quản lý.

Trên thực tế, tính hiệu quả của hoạt động kiểm tra, kiểm soát trong các hoạt động tổ chức phụ thuộc vào các nhà quản lý tại tổ chức đó. Nếu các nhà quản lý ngân hàng cho rằng công tác kiểm tra, kiểm soát quan trọng và không thể thiếu đối với mọi hoạt động trong đơn vị thì mọi thành viên của đơn vị đó sẽ có nhận thức đúng đắn về hoạt động kiểm tra, kiểm soát và tuân thủ mọi quy định cũng như chế độ đề ra. Nhưng nếu hoạt động kiểm tra, kiểm soát bị coi nhẹ từ phía các nhà quản lý thì chắc chắn các quy chế về kiểm soát nội bộ sẽ không được vận hành một cách hiệu quả bởi các thành viên của đơn vị.

Phong cách điều hành của các nhà quản trị cũng có ảnh hưởng lớn đến môi trường kiểm soát của một tổ chức. Ban Giám đốc là một tập thể thống nhất trong điều hành hay thực chất chỉ do một cá nhân nắm quyền. Nếu ngân hàng tồn tại tình trạng độc quyền trong quản lý thì hoạt động kiểm soát nội bộ rất khó có hiệu quả. Môi trường kiểm soát nội bộ cũng không chặt chẽ nếu Ban Giám đốc giao phó toàn bộ quyền hành, trách nhiệm cho nhân viên dưới quyền.

+ Năng lực của cán bộ ngân hàng.

Ngoài năng lực của cán bộ quản lý, sự thành công hay thất bại trong hoạt động kinh doanh của NHNN chủ yếu phụ thuộc vào năng lực của cán bộ ngân hàng, vào chính sách tuyển dụng đào tạo, khen thưởng, kỷ luật và cả môi trường làm việc của họ. Đó là những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động kiểm soát trong ngân hàng.

Năng lực của cán bộ ngân hàng thể hiện ở trình độ, kỹ năng giao tiếp với khách hàng, ở việc thu thập, xử lý thông tin về khách hàng và thông tin nghiệp vụ kế toán... Bên cạnh đó thì phẩm chất đạo đức cán bộ ngân hàng cũng rất quan trọng. Một cán bộ ngân hàng có đạo đức kém (hoặc bị tha hóa) thường thông đồng với khách hàng, hoặc vì lợi ích cá nhân sẽ thực hiện những hành vi gian lận, cố ý làm trái với những quy định đề ra. Sự tiêu cực của cán bộ ngân hàng nguy hiểm ở chỗ bản thân họ chỉ nhận được một phần rất nhỏ nhưng lại có thể làm mất uy tín của ngân hàng.

Đối với cán bộ làm công tác kế toán – ngân quỹ, những người thường xuyên tiếp xúc với một lượng tiền lớn trong ngân hàng thì những yếu tố trên là rất cần thiết. Do đó đòi hỏi các kế toán viên phải trung thực, phải ghi chép và hạch toán rõ ràng, cụ thể và kịp thời tránh sai sót gây ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng.

- Chính sách nhân sự.

Sự phát triển của mọi ngân hàng luôn luôn gắn liền với đội ngũ cán bộ, nhân viên; và họ luôn luôn là một nhân tố quan trọng trong kiểm soát nội bộ. Nếu lực lượng này của ngân hàng lại yếu kém về năng lực, tinh thần làm việc và đạo đức, thì dù cho đơn vị có thiết kế và duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ rất đúng đắn và chặt chẽ vẫn không thể phát huy hết hiệu quả. Ngược lại, một đội ngũ cán bộ, nhân viên tốt sẽ giúp giảm bớt những hạn chế vốn có của kiểm soát nội bộ.

Hoạt động của ngân hàng luôn chứa đựng những rủi ro và hằng ngày tiếp xúc với một lượng tiền ra vào rất lớn nên yếu tố về năng lực và phẩm chất đạo đức là rất quan trọng. Do vậy cần có cơ chế tuyển dụng chặt chẽ, trung thực và khách quan.

- Cách thức phân định quyền hạn và trách nhiệm.

Phân định quyền hạn và trách nhiệm được xem là phần mở rộng của cơ cấu tổ chức. Nó cụ thể hóa về quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên trong các hoạt động. Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

động của ngân hàng, giúp cho mỗi thành viên phải hiểu rằng họ có nhiệm vụ cụ thể gì và từng hoạt động của họ sẽ ảnh hưởng như thế nào đến người khác trong việc hoàn thành mục tiêu. Do đó, khi mô tả công việc, ngân hàng cần phải thể chế hóa bằng văn bản về những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của từng thành viên và quan hệ giữa họ với nhau.

- Công tác kế hoạch.

Nếu việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch được tiến hành khoa học và nghiêm túc, thì nó sẽ trở thành công cụ kiểm soát rất hữu hiệu. Chính vì thế các nhà quản lý của ngân hàng phải quan tâm xem xét về tiến độ thực hiện kế hoạch, định kỳ so sánh giữa số liệu thực hiện và số liệu kế hoạch, để phát hiện những vấn đề bất thường và xử lý kịp thời.

*** Các nhân tố bên ngoài:**

- Môi trường pháp lý.

Hoạt động ngân hàng trong nền kinh tế thị trường chịu sự tác động, ảnh hưởng của pháp luật gọi là môi trường pháp lý về ngân hàng. Môi trường pháp lý về ngân hàng ít nhất bao gồm các yếu tố cơ bản: các quy phạm pháp luật về ngân hàng là khung vật chất cơ bản; các quy phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (Hiến pháp, luật dân sự, luật đất đai, luật công ty, luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam...).

Sự nghiêm chỉnh tuân theo pháp luật của các chủ thể tham gia quan hệ xã hội được pháp luật ngân hàng điều chỉnh. Một môi trường pháp lý về ngân hàng lành mạnh bao hàm cả tính đầy đủ, tính đồng bộ của hệ thống pháp luật cũng như tính khoa học.

- Môi trường kinh tế.

Là tổng thể các chủ thể kinh tế, gồm các pháp nhân, thể nhân và cá nhân ở bên ngoài ngân hàng. Các chủ thể kinh tế tham gia hoạt động kinh tế từ sản xuất kinh doanh đến tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Môi trường kinh tế có tác động rất lớn đến chất lượng hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng Thương mại và ảnh hưởng đến nội dung kiểm soát của ngân hàng.

Các yếu tố cấu thành chất lượng môi trường kinh tế bao gồm: trình độ phát triển kinh tế, tính ổn định của nền kinh tế và quản lý của Nhà nước.

- Các nhân tố khác: ngoài các nhân tố chủ yếu nêu trên, còn nhiều yếu tố khác cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Đáng kể là các yếu tố: thiên tai, dịch họa, văn hóa, tập quán, trình độ dân trí, chính trị, dân số...

3.2. Hệ thống thông tin kế toán trong Ngân hàng

Hệ thống thông tin kế toán trong ngân hàng là nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của hoạt động kinh doanh ngân hàng, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho các nhà quản lý. Hệ thống thông tin kế toán trong NHNN bao gồm: hệ thống kế toán, mạng lưới máy vi tính, phần mềm kế toán áp dụng.

Hệ thống kế toán là toàn bộ các thủ tục cho phép xử lý các nghiệp vụ, hệ thống có vai trò xác định, thu thập, phân tích, tính toán, phân loại, tổng hợp toàn bộ nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong ngân hàng. Hệ thống kế toán có khả năng tự kiểm soát lấy để loại trừ những sai phạm trong quá trình xử lý của mình.

Hệ thống kế toán bao gồm: chứng từ, sổ sách kế toán, hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo nội bộ.

Một hệ thống kế toán hữu hiệu phải đảm bảo được các mục tiêu tổng quát sau đây:

- Những số liệu kế toán ghi chép là những số liệu có thực, kế toán không ghi chép những nghiệp vụ giả tạo vào sổ sách kế toán của đơn vị.
- Mọi hoạt động, nghiệp vụ trước khi thực hiện đều phải đảm bảo rằng chúng đã được phê chuẩn hợp lý.
- Tính toán chính xác các số liệu trong công tác kế toán.
- Không bỏ sót, giấu bớt hoặc để ngoài sổ bất kỳ một nghiệp vụ kinh tế phát sinh nào.
- Thời điểm ghi nhận doanh thu và chi phí phải đúng kỳ.
- Số liệu ghi chép vào sổ sách kế toán đúng theo sơ đồ hạch toán của đơn vị.
- Có sự phân chia công việc rạch ròi và thường xuyên tiến hành kiểm tra đối chiếu giữa bộ phận kế toán, bộ phận kho quỹ.

Để kiểm soát hữu hiệu với chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính cần lưu ý các vấn đề sau đây:

+ Chứng từ cần được đánh số liên tục để có thể kiểm soát, tránh thất lạc và dễ dàng truy cập khi cần thiết.

+ Chứng từ và sổ sách cần được ghi chép tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ hoặc ngay sau đó càng sớm càng tốt, ghi chép cần rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu.

+ Việc lập chứng từ trên máy vi tính phải được áp dụng theo chế độ quy định riêng cho loại chứng từ giao dịch trên máy tính. Chứng từ tham gia mạng máy tính phải đảm bảo tính bảo mật, có ký hiệu mật mã truyền tin và ký hiệu mật chuyên tiền.

+ Tổ chức luân chuyển chứng từ phải được thực hiện một cách khoa học để một liên chứng từ có thể đi qua và sử dụng cho nhiều bộ phận, giảm được các khác biệt trong ghi chép.

+ Thiết kế biểu mẫu chứng từ và sổ sách phù hợp quy định của nhà nước và có tính năng kiểm soát. Sổ sách cần được đóng chắc chắn, đánh số trang, quy định nguyên tắc ghi chép, có chữ ký kiểm soát của người xét duyệt...

+ Cần có quy định về hệ thống tài khoản kế toán, sơ đồ kế toán cũng như các loại sổ sách kế toán tại đơn vị, quy định trách nhiệm lập và kiểm tra BCTC.

+ Tổ chức lưu trữ và bảo quản chứng từ, sổ sách và báo cáo theo nguyên tắc an toàn, bảo mật và phương tiện truy cập.

Ngày nay, với sự tiến bộ của khoa học công nghệ, hầu hết các ngân hàng thương mại đều xử lý dữ liệu kế toán thông qua môi trường điện tử (EDP).

Môi trường EDP cũng có những khác biệt so với hệ thống kế toán thủ công:

- Nhất quán trong quá trình xử lý: hệ thống EDP thực hiện quá trình xử lý chính xác như đã được lập trình và chính xác hơn hệ thống thủ công, với điều kiện các loại nghiệp vụ và điều kiện có thể xảy ra phải được lường trước và lập trình sẵn.

- Các biện pháp kiểm soát được đưa vào trong chương trình máy tính: hệ thống EDP cho phép đưa sự kiểm soát vào trong chương trình máy tính với những thông số rõ ràng ở mức độ hạn chế, ví dụ quy định mật khẩu truy cập, mã duyệt... một số biện pháp được tạo ra để sử dụng kết hợp với biện pháp thủ công.

- Cập nhật các tập tin có tính cơ sở dữ liệu: một thông tin đầu vào cho hệ thống kế toán có thể tự động cập nhật và các tập tin có liên quan đến nghiệp vụ đó. Do

[Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com](http://luanvantot.com)

vậy, nếu nhập thông tin sai vào hệ thống kế toán trong máy tính sẽ tạo ra những sai sót hàng loạt các con số tài chính khác.

- Các yếu điểm và hạn chế của công cụ lưu trữ: các khối lượng lớn dữ liệu được lưu trữ vào trong các công cụ lưu trữ như đĩa từ hay băng từ rất dễ bị sửa đổi, đánh cắp, mất mát, bị phá hoại do vô tình hay cố ý.

3.3. Các thủ tục kiểm soát

Để thiết kế các thủ tục kiểm soát cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc phân công phân nhiệm

Nguyên tắc này thực hiện thông qua việc phân chia trách nhiệm, thực hiện một nghiệp vụ cho nhiều người, nhiều bộ phận cùng tham gia, mục đích là không để cho một cá nhân hay bộ phận nào có thể kiểm soát mọi mặt của một nghiệp vụ. Khi đó thông qua cơ cấu tổ chức, công việc của một nhân viên này được kiểm soát tự động bởi công việc của một nhân viên khác. Việc phân chia trách nhiệm rõ ràng cụ thể sẽ tạo cho nhân viên không có cơ hội làm sai quy chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dù chỉ là thực hiện nhiệm vụ thông thường.

- Nguyên tắc bất kiêm nhiệm

Trong việc phân chia trách nhiệm phải thực hiện theo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, có nghĩa là không bố trí kiêm nhiệm giữa các nhiệm vụ như phê chuẩn với thực hiện nghiệp vụ hoặc kế toán, với bảo vệ tài sản hoặc kiêm nhiệm giữa chức năng thực hiện với chức năng kiểm soát.

- Nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn

Trong việc phân quyền cho cấp dưới phải xác định rõ thẩm quyền phê chuẩn của từng người, phải ủy nhiệm cho người có thẩm quyền phê chuẩn các nghiệp vụ một cách thích hợp.

- Chứng từ và sổ sách

Chứng từ và sổ sách là những công cụ, hình thức mà trên đó các nghiệp vụ kinh tế được phản ánh và tổng hợp. Cả chứng từ của bút toán gốc và sổ sách phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều quan trọng. Chứng từ và sổ sách là một dấu vết kiểm soát quan trọng cho việc kiểm tra và đánh giá các thủ tục kiểm soát.

[Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com](http://luanvantot.com)

Chúng từ thực hiện chức năng chuyển giao thông tin trong toàn tổ chức của ngân hàng và giữa các ngân hàng với nhau. Chúng từ phải đầy đủ để cung cấp sự đảm bảo hợp lý là tất cả các tài sản được kiểm soát đúng đắn và nghiệp vụ kinh tế được ghi sổ chính xác.

- Bảo vệ tài sản vật chất và sổ sách

Tài sản có thể được bảo vệ tốt thông qua hạn chế việc tiếp cận tài sản bằng cách xây dựng nhà hầm an toàn cho các loại tài sản như tiền, các chứng từ có giá, sổ sách chứng từ... sử dụng kết sắt, bố trí lực lượng bảo vệ đầy đủ, sử dụng các thiết bị bảo vệ, tổ chức kiểm kê định kỳ...

- Phân tích rà soát

Thủ tục phân tích là sự so sánh giữa hai số liệu từ những nguồn gốc khác nhau. Tất cả mọi khác biệt đều được làm rõ. Ưu điểm của thủ tục này là giúp mau chóng phát hiện các gian lận, sai sót hoặc các biến động bất thường để kịp thời đối phó.

3.4. Bộ phận kiểm toán nội bộ trong Ngân hàng

Bộ phận KTNB là một trong những nhân tố cơ bản trong hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng, nó cung cấp một sự quan sát, đánh giá thường xuyên về toàn bộ hoạt động của ngân hàng. Bộ phận KTNB hữu hiệu sẽ giúp cho Ban giám đốc có được những thông tin kịp thời, xác thực về hoạt động của ngân hàng, chất lượng của hoạt động kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời điều chỉnh và bổ sung các quy chế kiểm soát thích hợp và hiệu quả. Tuy nhiên, bộ phận KTNB chỉ phát huy tác dụng nếu:

- Về tổ chức: Bộ phận KTNB phải trực thuộc một cấp cao đủ để không giới hạn phạm vi hoạt động của nó, đồng thời phải được giao một quyền hạn tương đối rộng rãi và hoạt động tương đối độc lập với phòng kế toán, phòng tín dụng và các bộ phận hoạt động được kiểm tra.

- Về nhân sự: Bộ phận KTNB phải tuyển chọn những nhân viên có năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với các quy định hiện hành.

❖ *Nguyên tắc thiết kế hệ thống kiểm soát nội bộ trong NHNN.*

- Mọi lĩnh vực hoạt động đều phải được kiểm soát.

Cơ cấu tổ chức của ngân hàng bao gồm nhiều bộ phận khác nhau. Các bộ phận này đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Rủi ro xảy ra ở bộ phận này sẽ dẫn đến thiệt hại ở những bộ phận khác. Chính vì vậy cần phải thiết kế hệ thống kiểm soát nội bộ cho toàn bộ mọi lĩnh vực hoạt động.

- Thực hiện nguyên tắc “ 4 mắt”.

Để phòng ngừa rủi ro ngân hàng cần phải thiết kế hệ thống kiểm soát sao cho mọi công việc đều được kiểm tra qua ít nhất 2 người (4 mắt). Việc kiểm tra này có thể là kiểm tra trực tiếp, cũng có thể là kiểm tra gián tiếp thông qua sự phê chuẩn trước đó của cấp trên.